

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Minh Phượng

Bà Phan Thị Thuận Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1996.

Nơi trú: đường N, phường T, quận S1, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; nay là phường S2, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

- Bị đơn: **Ông Lê Trường B**, sinh năm 1974.

Nơi trú: 8718 C. Ct, DE, MD 21875, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Trường B kết hôn với nhau vào 25/01/2019 tại Ủy ban nhân dân quận S1, thành phố Đà Nẵng, việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, lừa dối.

Sau khi kết hôn thì ông B về lại Mỹ sinh sống, còn tôi vẫn sống ở Việt Nam nên khoảng cách địa lý thiếu sự thân mật, không tìm thấy sự chia sẻ, thiếu sự hỗ trợ về tinh thần dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn tiếng nói chung và hết tình cảm. Nay, về tình cảm, bà xác định không còn yêu thương ông Lê Trường B nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H xác định bà và ông Lê Trường B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định bà và ông Lê Trường B không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bà Nguyễn Thị H đề nghị tòa án xem xét rút ngắn thời gian xét xử vụ án và không thông qua thủ tục hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Trường B không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Trường B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Lê Trường B, cư trú tại 8718 C.Ct, DE, MD 21875, Hoa Kỳ nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Lê Trường B bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp; cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H đối với ông B và yêu cầu ông B

gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 25-5-2025, Cơ quan có thẩm quyền Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã tổng đạt trực tiếp văn bản của Tòa án cho ông Lê Trường B. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông B không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa lần thứ nhất thì ông B không có mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lần thứ hai ông B vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông B thì thấy: Vợ chồng kết hôn và chung sống với nhau trong thời gian ngắn rồi mỗi người sống một nơi từ năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng không được sống cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình; qua đó cũng không hòa giải được các mâu thuẫn trong cuộc sống, nên không còn liên lạc với nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con và tài sản: Bà H khai xác định không có con chung; không có tài sản chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà H phải chịu, theo quy định tại Điều 147 và Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 464, Điều 469 và Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Trường B,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Trường B.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001455 ngày 23-4-2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0001530 ngày 03-7-2024, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp là 95 USD (Chín mươi lăm Đô la Mỹ); bà H đã nộp đủ phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn ông Lê Trường B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam

